NGƯỜI KỂ CHUYỆN TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN NGỌC TƯ (KHẢO SÁT QUA HAI TẬP "CÁNH ĐỒNG BẤT TẬN" VÀ "NGỌN ĐÈN KHÔNG TẮT")

Sinh viên thực hiện: **Lã Thị Thùy Linh**
Khoá: **QH-2008-X-VH**
Giáo viên hướng dẫn: **PGS.TS. Đoàn Đức Phương**

Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại huyện Đầm Dơi tỉnh Cà Mau. Nguyễn Ngọc Tư bắt đầu sự nghiệp viết văn khá sớm tại làng quê và gặt hái được nhiều thành công trong nghề viết của mình. Hiện nay, Nguyễn Ngọc Tư là hội viên hội nhà văn Việt Nam và là biên tập viên tạp chí Bán đảo Cà Mau.

Mặc dù đã xuất hiện trên văn đàn khá lâu nhưng Nguyễn Ngọc Tư vẫn được coi là một hiện tượng. Hàng loạt những công trình nghiên cứu, những bài báo, những lời nhận xét, khen có, chê có về Nguyễn Ngọc Tư, đó một phần là bởi người đọc nhận thấy ở tác phẩm của cô những phát hiện mới lạ và độc đáo.

Người kể chuyện là "*hình tượng ước lệ về người trần thuật(hình thái của hình tượng tác giả trong tác phẩm văn học nghệ thuật, là người mang tiếng nói, quan điểm tác giả trong tác phẩm văn xuôi) trong tác phẩm văn học*", là "*yếu tố tích cực trong việc kiến tạo thế giới tưởng tượng…. kết hợp đồng thời trong mình cả nhân vật và người kể, nhân vật mà nhân danh nó cuốn sách được kể có vị thế hoàn toàn đặc biệt*…" (Tz.Todorov), nó chỉ xuất hiện khi nào câu chuyện được kể bởi một nhân vật cụ thể trong tác phẩm . Đó có thể là hình tượng của chính tác giả ("tôi" trong Đôi mắt), dĩ nhiên không nên đồng nhất hoàn toàn với tác giả ngoài đời; có thể là một nhân vật đặc biệt do tác giả sáng tạo ra (người điên trong ***Nhật kí người điên*** – Lỗ Tấn); có thể là một người biết một câu chuyện nào đó. Người kể chuyện: "*được đặt ra trong mối quan hệ với người đọc giả định, với vấn đề điểm nhìn, các loại hình, cấp độ và tình huống trần thuật được các nhà trần thuật học cho đến cuối những năm 60 xác định một cách tỉ mỉ, cụ thể*" .

Người kể chuyện đóng một phần quan trọng trong việc thể hiện quan điểm của tác giả không chỉ trực tiếp qua những hành động trong tác phẩm, những lời tâm sự về chính bản thân nhân vật mà nó còn là thái độ đối với câu chuyện được tác giả kể lại. Ngoài thái độ chủ quan, người kể chuyện còn mang trong mình nội dung khách quan của thế giới được phản ánh trong tác phẩm.

Kể chuyện ở ngôi thứ nhất và ***ngôi thứ ba*** là hai phương thức tự sự chủ yếu. Khảo sát qua hai tập truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư, ngôi kể thứ ba chiếm đa số tác phẩm, khoảng **13** tác phẩm như: ***Ngọn đèn không tắt***, ***Cỏ xanh***, ***Chuyện của Điệp***, ***Cải ơi!*** , ***Thương quá rau răm***, ***Hiu hiu gió bấc***, ***Huệ lấy chồng***, ***Mối tình năm cũ***, ***Cuối mùa nhan sắc***, ***Biển người mênh mông***, ***Nhớ sông***, ***Duyên phận so le***, ***Một trái tim khô*** và **7** truyện kể

ở điểm nhìn ngôi thứ nhất xưng "tôi" kể chuyện về mình và kể chuyện người khác như ***Nỗi buồn rất lạ, Ngổn ngang, Lý con sáo sang sông, Cái nhìn khắc khoải, Nhà cổ, Dòng nhớ, Cánh đồng bất tận***.

Điểm nhìn (point of view) là khái niệm được đề xướng bởi H. James trong công trình ***Nghệ thuật tiểu thuyết*** xuất bản năm 1934 và sau này trở thành một phạm trù đặc biệt quan trọng của phê bình mới và được áp dụng rộng rãi trong tự sự học. Đó là vị trí mà từ đó "*người kể nhìn ra và miêu tả sự vật trong tác phẩm*", là "*vị trí của người kể chuyện trong mối quan hệ với câu chuyện của ông ta*" và tác giả "*theo đó có được cái nhìn toàn diện về mối quan hệ của các sự kiện*" (J. A. Cuddon, 1992).

Sự luân phiên, phối hợp nhiều điểm nhìn mà ở đó góc nhìn, trường quan sát của người kể chuyện không cố định mà luôn thay đổi theo mọi chiều kích: xa – gần, quá khứ - hiện tại, chủ quan – khách quan, bên ngoài và bên trong nhân vật… làm tăng sự linh hoạt trong tiếp nhận và tính đa nghĩa của tác phẩm. Chẳng hạn như trong truyện ***Ngọn đèn không tắt***, điểm nhìn của Tươi từ hiện tại về quá khứ rồi lại ở hiện tại. Quá khứ và hiện tại cứ đan xen vào nhau khiến cho câu chuyện trở nên xúc động hơn. Từ những dòng hồi tưởng của Tươi về nội, những câu chuyện mà Tươi còn giữ lại được không chỉ làm xúc động những nhân vật được nghe Tươi kể câu chuyện ấy mà còn xúc động cả đối với độc giả. Dường như quá khứ là điểm nhấn, là khoảng không, là nơi mà nhân vật chuyển điểm nhìn của bản thân vào trong đó.

Sự mô tả quan sát từ bên ngoài chính là ***điểm nhìn bên ngoài***. Còn sự hình dung tái tạo nội dung thế giới tình cảm, suy nghĩ của nhân vật là ***điểm nhìn bên trong***. Trong tác phẩm truyện ngắn đương đại, ít có tác phẩm được sử dụng đơn nhất một điểm nhìn, mà có nhiều điểm nhìn luân phiên nhau và có sự dịch chuyển như đã xét ở trên. Ngoài ra, còn xuất hiện ***điểm nhìn không có giới hạn*** là điểm nhìn bằng không.

Trong hai tập truyện của Nguyễn Ngọc Tư, ***ở điểm nhìn ngôi thứ nhất***, người kể chuyện tham gia vào hành động của câu chuyện. Cách kể chuyện ở điểm nhìn này có thể tạo ra những hư cấu, tưởng tượng ngoài thời gian, không gian. Nó giúp nhân vật có khả năng tự "mổ xẻ" mình một cách thành thật, sâu sắc, "câu chuyện được kể trở thành câu chuyện của một cái tôi cụ thể, bởi lẽ cái tôi rất riêng ấy là nhân chứng duy nhất của những sự kiện được kể. Từ đó trần thuật ở ngôi thứ nhất tạo ra hình thức tồn tại của nhân vật, cho phép nhân vật hồi sinh và gắn với quãng đường đã qua của chính nhân vật".

Ở điểm nhìn ngôi thứ ba, người kể không tham gia vào hành động của câu chuyện với vai trò như một trong các nhân vật mà để chúng ta biết rõ qua cảm xúc của nhân vật. Với người kể chuyện ở ngôi thứ ba, giọng điệu có vẻ khách quan,lạnh lung, đôi lúc bang quan trước sự việc. Người kể chuyện này có khả năng hòa lẫn vào nhân vật, tựa vào điểm nhìn của nhân vật đến nỗi khó phân biệt giọng kể của người kể chuyện với nhân vật. Theo Nguyễn Thái Hòa: "*ở lối kể chuyện này, người kể đứng ở vị trí khách quan "giả vờ" không*

dính líu đến câu chuyện. Nói cách khác là giữ một khoảng cách giữa người kể và nhân vật, cốt truyện để rộng đường hư cấu và bảo đảm tính khách quan của hiện thực".

Ngôn ngữ là hiện thực trực tiếp của tư duy, là sự thể hiện sinh động và chính xác những suy nghĩ, tính cách và đời sống tâm lí của con người. Ngôn ngữ trong tác phẩm lấy chất liệu từ ngôn ngữ đời sống, thông qua sự chọn lọc, sắp xếp của nhà văn trở thành phương tiện khám phá của cuộc sống. Việc xử lí ngôn ngữ có vai trò rất quan trọng trong quá trình xây dựng nhân vật.

Trong tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư ta thấy tác giả rất tài tình trong việc lựa chọn và xử lí ngôn ngữ: đối thoại và độc thoại nội tâm.

Điểm đặc biệt trong phong cách đối thoại của Nguyễn Ngọc Tư đó là sự xuất hiện của những câu hỏi không nhằm mục đích hỏi hay trả lời hoặc nhân vật hỏi những không có lời đáp. Chẳng hạn trong ***Dòng nhớ*** tác giả đã thể hiện tính cách của Phi đồng thời lí giải cho người đọc biết tại sao lời nhắc nhở của ông Sáu Đèo lại đi suốt cuộc đời của Phi.

Truyện Nguyễn Ngọc Tư chủ yếu được viết theo mạch tâm trạng nên độc thoại đóng một vai trò quan trọng. Ta có thể thấy được ước mơ, hạnh phúc thầm kín của các nhân vật: "*Điệp tính sau này không còn diễn được Đào con, Điệp về nhà lấy chồng nằm võng hát ru con ngủ*". (***Chuyện của Điệp***), hay là những nỗi niềm không thành tiếng "*tôi không nói gì hết vì sợ rớt nước mắt trên đỉnh đầu trống huơ của má*" (***Ngổn ngang***).

Ngôn ngữ trong ***Cánh đồng bất tận*** là một thứ ngôn ngữ giàu cảm giác, mang đậm màu sắc chủ quan, thứ ngôn ngữ sống dậy từ cảm xúc đau buồn "*tôi ngồi quẹt tay lau nước mắt , kỹ càng để gương mặt an nhiên, ráo hoảnh. Tôi quyết không để cha thấy mình buồn, quyết không để cha bật ra cái câu: Chịu hết nổi cái cảnh sống này rồi hả? Chừng nào đi?*" ; "*Tôi đã chờ nó đến khi mùa mưa đổ xuống cánh đồng Chia Cắt (tôi tạm gọi vậy) một trời sao. Chờ chơi vậy, chứ tôi biết Điền chẳng quay về. Tôi nhớ nó (và nhớ chị) không thôi"… nỗi đau đớn, sự cô đơn khiến hai chị em "không dùng cách giao tiếp bằng lời, một phần do vài chi tiết khiến chúng tôi phải dừng câu chuyện lại, vì thấy nhói ở đâu đó"*. Ngôn ngữ kể chuyện cảm giác, suy tưởng hiện lên chân thật trong cuộc đời thường.

Ngôn ngữ người kể chuyện được biểu hiện thông qua lời dẫn truyện. Đó là phần giới thiệu, trần thuật sự việc, con người, bao gồm lời dẫn thoại, lời trữ tình ngoại đề. Điểm đặc biệt trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư không phải ở vấn đề tác giả đã sử dụng phương ngữ trong tác phẩm của mình mà nó là cách tác giả thể hiện. Điều đó tạo nên một phong cách, một sắc thái biểu hiện chính xác, làm cho nó đậm đà hương vị miền Nam.

Trong những danh từ mà tác giả sử dụng, có khá nhiều từ liên quan đến sông nước, như: tàu, ghe, xuồng, mái chèo… Có lẽ nguyên nhân tất yếu bởi những tác phẩm có liên quan đến vùng đất mà tác giả đang viết và những sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày. Những tính từ chỉ mức độ cũng đậm màu sắc Nam Bộ như: *dữ lắm, quá trời, y chang, nhẹ hều, chút xíu*… tưởng như chỉ có trong lời nói hàng ngày nhưng khi đi vào tác phẩm nó

chân thực, bình dị như cuộc sống đang hiển hiện phong phú và sinh động với tất cả những vẻ đẹp của nó. Một loạt các động từ cũng được đưa vào trang viết làm cho nhân vật của Nguyễn Ngọc Tư sống hồn nhiên như chính trong cuộc đời thực: *coi, lui, ngó, cọ, sanh, táp, vô, rầy, giả đò, mướn, ém (mùng)…* Hư từ và đại từ nhân xưng thường được sử dụng như: *nầy, hỏng, vầy, quạo, phải hôn nè, thiệt, má, cố, bây, nghen, tụi tao, mầy, tía…*

Nguyễn Ngọc Tư không ngại dùng từ địa phương cũng như dùng khẩu ngữ. Trong khi các nhà văn Nam Bộ lớp trước cố gắng viết sao cho ngôn ngữ văn chương của họ phổ cập với công chúng cả nước thì Nguyễn Ngọc Tư lại trung thành với phương ngữ, bởi như có lần cô đã nói, nếu không viết vậy, cô sẽ đánh mất tính tự nhiên của tác phẩm.

Ngôn ngữ kể chuyện trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư có tính đa thanh. Tính đa thanh trong ngôn ngữ trần thuật được thể hiện ở việc nhiều nhân vật cùng cất lên tiếng nói trong tác phẩm.

Một giọng điệu chung mà chúng ta có thể nhận thấy khi đọc văn Nguyễn Ngọc Tư là chậm buồn, trải dài, man mác. Mạch truyện chủ yếu là mạch chảy tâm trạng nên giọng điệu đó là phù hợp. Người đọc như đang thưởng thức một bản nhạc buồn, nhưng không quá nghẹn ngào, bi lụy mà mang mác như một câu ca cổ. Nó không phải là lời than vẫn nặng nề, là tiếng thở dài đứt ruột mà chỉ là một lời thốt ra, lửng lơ của một con người chợt nhận ra hiện thực cuộc sống bất hạnh, mà vẫn hy vọng.

Với sự sáng tạo của một cây bút mới, sự nỗ lực tìm tòi, sáng tạo, nhà văn đã vượt lên chính mình trong lao động nghệ thuật. Nguyễn Ngọc Tư đã nắm bắt tinh nhạy sự vận động và phát triển của xã hội, đã tạo ra trong thế giới nghệ thuật của mình một quan niệm mới về hiện thực và xã hội con người. Qua đó việc cách tân trong yếu tố như cốt truyện, kết cấu, nhân vật, người kể chuyện… đã tạo nên những điểm mới trong văn học đương đại.

Nghệ thuật trần thuật là một trong những cách tân quan trọng. Các nhà văn không còn đứng trên quan điểm trần thuật sử thi đối với điểm nhìn hướng ngoại như ở giai đoạn trước mà đã có quan điểm thế sự - đời tư với cái nhìn hướng nội. Đồng thời cùng với sự vận dụng linh hoạt các hình thức tự sự, nhà văn đã phối hợp luân phiên nhiều điểm nhìn giữa tác giả với nhân vật, nhân vật với nhân vật, điểm nhìn bên trong và điểm nhìn bên ngoài. Chính những yếu tố trên đã đưa đến khả năng tiếp cận hiện thực khách quan và tạo tâm lí tiếp nhận bình đẳng, thoải mái cho độc giả. Cũng từ điểm nhìn ấy, giọng điệu trần thuật trở nên đa dạng, phong phú hơn. Tác giả không chỉ có giọng triết lí sâu cay mà còn có chất gọng nữ tính, suy tư.

Nét đặc trưng mà độc giả có lẽ sẽ cảm nhận đầu tiên khi tiếp xúc với truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư đó chính là phương ngữ Nam Bộ được tác giả sử dụng dày đặc mang đậm hương vị miền Nam, nó nhẹ nhàng, dí dỏm, trẻ trung, tinh nghịch và để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng người đọc, nghệ thuật đã tiến tới gần đời sống nhân dân với những ngôn ngữ bình dân, dễ hiểu.

Và nhân vật trong tác phẩm cũng bước lên trang sách từ chính cuộc đời thực, từ những nỗi lo toan vất vả của cuộc sống đời thường. Người kể chuyện hiện lên với triết lí nhân sinh quan sâu sắc. Một người kể chuyện với sự dịch chuyển điểm nhìn khiến khoảng cách giữa nhà văn và nhân vật không còn nữ và đem lại sự đa dạng phong phú cho ngôn ngữ kể của nhà văn.

Nguyễn Ngọc Tư đã có những đóng góp nhất định, những tìm tòi, đổi mới để không lặp lại trong sự vận động của thể loại truyện ngắn nói riêng và văn xuôi Việt Nam thời kì đổi mới nói chung. Thay lời kết, chúng tôi đưa ra nhận định về tác giả qua chính câu nói "*tôi viết trong nỗi im ắng, không phản hồi. Không khen. Không chê bai*" của tác giả. Tác giả đến với người đọc, qua những tác phẩm và cũng lặng lẽ âm thầm đứng sau nhân vật, trang văn của mình. Những "*người nông dân chưa bao giờ có điều kiện*" đọc tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư nhưng những hình ảnh, những dòng tâm sự của họ vẫn hiện lên trên dòng sông nước mênh mang của những "*dòng nhớ*", những "*nỗi buồn rất lạ*" mang trong mình một niềm tin, một niềm tin của ngày mai. Đó chính là thành công của ngòi bút Nguyễn Ngọc Tư.